

Số: 1841/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 368/TTr-SNN ngày 18/7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 141 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Danh mục ban hành kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tàng(40b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Trang Thị Xuân



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Ban hành kèm theo Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 93 Thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV: 14 Thủ tục hành chính					
1	Công nhận cây dầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	32 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 05/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.
2	Công nhận vườn cây dầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 05/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.
3	Cấp lại Giấy công nhận cây dầu dòng, vườn cây dầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 05/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

1/8

4	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 28/2017/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chi định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng.
5	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 14/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đường sắt; - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

6	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (<i>thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh</i>)	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	600.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	14 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	800.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường, chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm; - Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	14 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	800.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường, chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm; - Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

9	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	24h	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật (<i>Mục III, Phí kiểm dịch thực vật</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.
10	Xác nhận nội dung quảng cáo và đăng ký hội thảo phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc: đối với trường hợp xác nhận nội dung quảng cáo phân bón. - 01 ngày làm việc: đối với trường hợp đăng ký hội thảo phân bón. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo.
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chi hoạt động đóng gói phân bón	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	3.000.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC.

12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chi hoạt động đóng gói phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc (đối với trường hợp Giấy chứng nhận hết hạn). - 03 ngày làm việc (đối với trường hợp bị mất, hỏng, thay đổi nội dung). 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	1.200.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC.
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PINT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	500.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/ND-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC.
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	200.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/2/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC.

II LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y: 09 Thủ tục hành chính					
1	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- 15 ngày làm việc trường hợp chưa được đánh giá định kỳ; - 07 ngày làm việc trong trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã: 300.000đ/lần.	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Theo quy định tại Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
2	Cấp chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cấp tỉnh	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	100.000 đồng/hồ sơ	- Điều 109 Luật Thú y số 79/2015/QH13; - Mục 5 Chương 1; phụ III của Nghị định 35/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
3	Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	50.000 đồng/hồ sơ	- Điều 110 Luật Thú y số 79/2015/QH13; - Mục 5 Chương 1; phụ lục III của Nghị định 35/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y, 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.

4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	230.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 108 Luật Thú y số 79/2015/QH13; - Điều 17 Nghị định 35/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Điểm 4, Điều 46 Thông Tư 13/2016/TT-BNN Quy định về quản lý thuốc Thú y; - Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
5	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện Buôn bán thuốc thú y	04 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	230.000 đồng/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 108 Luật Thú y số 79/2015/QH13; - Điều 17 Nghị định 35/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Điểm 4, Điều 46 Thông Tư 13/2016/TT-BNN Quy định về quản lý thuốc Thú y; - Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
6	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - 01 ngày làm việc trong trường hợp không phải lấy mẫu kiểm tra; - 04 ngày làm việc trong trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra 	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận 40.000 đ - Phí kiểm tra lâm sàng động vật: đối với trâu, bò, ngựa, dê cừu: 50.000đ/lô hàng/xe ô tô; 60.000đ/ lô hàng/xe ô tô; gia cầm 35.000đ/lô hàng/xe ô tô; - Phí kiểm dịch sản phẩm động vật (chưa bao gồm chi phí xét nghiệm): 100.000đ/Container/ lô hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y, 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.

7	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã: 300.000đ/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/7/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Theo quy định tại Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
8	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - 01 ngày làm việc trong trường hợp không phải lấy mẫu kiểm tra; - 04 ngày làm việc trong trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra 	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận 40.000 đ - Phí kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản: 100.000đ/lô hàng/xe ô tô. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y, 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.
9	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	<ul style="list-style-type: none"> - 12 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn. - 05 ngày làm việc đối với trường hợp 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - 450.000đ đối với các cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, SPĐV, cơ sở giết mổ nhỏ lẻ; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động vật. - 1.000.000đ đối với 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

		Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY.		<p>cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến kinh doanh động vật, SPĐV; kho lạnh bảo quản động vật, SPĐV tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật, cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật...</p>	
III LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN: 04 Thủ tục hành chính					
1	Xác nhận kiến thức ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông lâm thủy sản	09 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	30.000 đồng/lần/người	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. - Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Thông Tư 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.

2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	12 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	700.000 đồng/cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định 15/2017/NĐ-CP ngày 01/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật ATTP; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận hết hạn)	12 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	700.000 đồng/cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định 15/2017/NĐ-CP ngày 01/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật ATTP; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy	05 ngày làm việc	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định 15/2017/NĐ-CP ngày 01/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật ATTP - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh

	sản (trường hợp mất, hỏng, thất lạc)		sản		doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định quản lý chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.
IV	LĨNH VỰC THỦY LỢI: 04 Thủ tục hành chính				
1	Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001; - Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ CTTL; - Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập; - Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; - Thông tư số 21/2011/TT- BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.	09 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001; - Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ CTTL; - Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập; - Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông

					<p>nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;</p> <p>- Thông tư số 21/2011/TT- BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.</p>
3	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.	12 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<p>- Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001;</p> <p>- Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ CTTL;</p> <p>- Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập;</p> <p>- Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;</p> <p>- Thông tư số 21/2011/TT- BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.</p>
4	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	25 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<p>- Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PLUBTVQH ngày 04/4/2001;</p> <p>- Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ CTTL;</p> <p>- Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập;</p> <p>- Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc cấp</p>

					<p>phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;</p> <p>- Thông tư số 21/2011/TT- BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.</p>
V	LĨNH VỰC THỦY SẢN: 14 Thủ tục hành chính				
1	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<p>- Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007;</p> <p>- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý giống thủy sản.</p>
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<p>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;</p> <p>- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</p> <p>- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và PTNT), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006;</p> <p>- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</p>
3	Cấp giấy chứng nhận lưu	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp	Không	

	giữ thủy sinh vật ngoại lai		nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh		Thông tư 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 quy định quản lý các loài thủy sinh vật ngoại lai tại Việt Nam.
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	40.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003; - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ; - Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
5	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	20.000 đồng/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003. - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; - Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa

					<p>đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</p>
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	40.000đồng/lần	<p>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;</p> <p>- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</p> <p>- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006;</p> <p>- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</p>
7	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu	03 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<p>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003.</p> <p>- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</p> <p>- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006;</p> <p>- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa</p>

					<p>đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</p>
8	Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	40.000đồng/lần	<p>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;</p> <p>- Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</p> <p>- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006;</p> <p>- Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.</p>
9	Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<p>- Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;</p> <p>- Nghị định 66/2005/ND-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;</p> <p>- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có hiệu lực từ ngày 06/8/2006;</p> <p>- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính</p>

					<p>trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
10	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003; - Nghị định 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản; - Quyết định số 96/2007/QĐ-BNNPTNT ngày 28/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế Đăng kiểm tàu cá; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ; - Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
11	Cấp giấy phép khai thác thủy sản	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	40.000 đ/ lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005; - Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009; - Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản; - Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của

					Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/ND-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (mục 2, 4 phần II) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006.
12	Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	20.000 đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/ND-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005; - Nghị định số 14/2009/ND-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/ND-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009; - Nghị định số 53/2012/ND-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản; - Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT, Hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/ND-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Mục 2, 4 phần II) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006.
13	Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	20.000 đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2005/ND-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 5, Điều 6, Điều 7) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005; - Nghị định số 14/2009/ND-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/ND-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (Điều 1) có

					<p>hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009;</p> <p>- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản;</p> <p>- Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT, Hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (<i>Mục 2, 4 phần II</i>) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006.</p>
14	Cấp đổi và cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	20.000 đ/ lần	<p>- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (<i>Điều 5, Điều 6, Điều 7</i>) có hiệu lực từ ngày 24/5/2005;</p> <p>- Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính Phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (<i>Điều 1</i>) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009;</p> <p>- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản;</p> <p>- Thông tư số 02 /2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản cũ nay là Bộ NN&PTNT, Hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản (<i>Mục 2, 4 phần II</i>) có hiệu lực từ ngày 18/5/2006.</p>

VI	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT: 03 Thủ tục hành chính				
1	Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ
2	Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; - Quyết định số 906/QĐ-BNN-KTHT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014.
3	Phê duyệt dự án hoặc phương án cánh đồng lớn	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-

					<p>TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;</p> <p>- Quyết định số 906/QĐ-BNN-KTHT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014.</p>
VII LĨNH VỰC CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN: 03 thủ tục hành chính					
1	Công nhận làng nghề	24 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn
2	Công nhận nghề truyền thống	24 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn
3	Công nhận làng nghề truyền thống	24 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn

VIII LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 04 Thủ tục hành chính					
1	Thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở	Dự án thuộc nhóm B: 30 ngày làm việc; Dự án thuộc nhóm C: 20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Lệ phí theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, Phí thẩm định thiết kế cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50 ngày 18 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2018/NĐ-CP ngày 05/4/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
2	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Lệ phí theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, Phí thẩm định thiết kế cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50 ngày 18 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2018/NĐ-CP ngày 05/4/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình	30 ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III; 20 ngày làm việc đối với các công trình cấp IV	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Lệ phí theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50 ngày 18 tháng 6 năm 2014; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2018/NĐ-CP ngày 05/4/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
4	Kiểm tra công tác nghiệm thu công xây dựng	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Chi phí Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình theo qui định hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
IX	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: 38 Thủ tục hành chính				
1	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	32,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

2	Thẩm định, phê duyệt cho ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	25 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 117/CP.
3	Thẩm định, phê duyệt cho ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	25 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 117/CP.
4	Thẩm định, phê duyệt cho ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	25 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chi trả dịch vụ môi trường; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chi trả dịch vụ môi trường; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 117/CP.

5	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	32,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPINT ngày 11/11/2011 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
6	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do UBND tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	32,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
7	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích do UBND tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	32,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
8	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	32,5 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.

9	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch rừng đặc dụng do địa phương quản lý	40 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
10	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.
11	Giao rừng cho tổ chức	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng

					<p>theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010;</p> <p>- Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.</p>
12	Cho thuê rừng cho tổ chức	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<p>- Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn;</p> <p>- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010;</p> <p>- Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.</p>
13	Thẩm định hồ sơ cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<p>- Điều 8 Quy chế quản lý rừng, ban hành kèm theo Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>- Điều 1 Quyết định 34/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý rừng.</p>

14	Thẩm định cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên nghèo kiệt hoặc trên đất rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các tổ chức	09 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Điều 6 Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp; - Điều 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị Quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
15	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	25 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
16	Nộp tiền trồng rừng thay thế về quỹ bảo vệ và PTR của tỉnh	10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
17	Phê duyệt hồ sơ cấp phép khai thác tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý hiếm và loài ưu tiên bảo vệ theo luật trong rừng sản xuất, phòng hộ	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Điều 10 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

18	Khai thác tận thu, tận dụng lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm và loài ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của chủ rừng là tổ chức	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
19	Khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm và loài ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Điều 10 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
20	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác chính, tận dụng gỗ trồng rừng phòng hộ của chủ rừng là tổ chức	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
21	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ khi chuyển rừng sang trồng cao su của tổ chức (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ không hoàn lại)	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

22	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên (<i>Cho chủ rừng là tổ chức</i>)	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Điều 4, Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
23	Thẩm định ,phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Điều 10 Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phương án quản lý rừng bền vững.
24	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng rừng đối với rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.
25	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế cải tạo rừng (<i>đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng</i>)	23 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Thông tư 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 4/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Hướng dẫn cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất

26	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng. - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công. - Điều 4, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn số nội dung quản lý công trình lâm sinh.
27	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	100.00 đồng/ giấy chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 35, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; - Khoản 10, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.
28	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống lô cây con cho các tổ chức, cá nhân	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	100.000 đồng/giấy chứng nhận và 750.000 đồng/lô giống.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 38, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; - Khoản 9, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.
29	Công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp cây trội, lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, vườn cây đầu dòng	12 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	100.000 đồng/giấy chứng nhận; Cây trội: 450.000đ/cây; Vườn cây đầu dòng 1.000.000đ/vườn; Lâm phần tuyển chọn 750.000	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 13, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; - Khoản 4, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

				đồng/nguồn giống; Rừng giống chuyên hóa, rừng giống trồng 2.750.000đ/rừng giống, thâm định công nhận lại vườn cây đầu dòng: 475.000đ/vườn.	
30	Quy trình cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PINT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý Gấu nuôi; - Điều 5, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010; - Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết ; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
31	Giao nộp Gấu cho Nhà nước	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PINT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNNPTNT, ngày 29/9/2008, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc ban hành quy chế quản lý gấu nuôi; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT, ngày 06/4/2011, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo

					<p>vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010;</p> <p>- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT, ngày 04/01/2012, của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.</p>
32	<p>Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận, dẫn xuất của chúng</p>	03 ngày làm việc	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh</p>	Không	<p>- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;</p> <p>- Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 10 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>
33	<p>Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của CITES</p>	07 ngày làm việc	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh</p>	Không	<p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 98/2011/ND-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về nông nghiệp.</p>

34	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	30 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng.
35	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Điều 5 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.
36	Xác nhận đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 5/10/2012 ban hành quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.
37	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư)	20 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; - Điều 4, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

38	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với tổ chức, cá nhân sử dụng DVMTR năm trong phạm vi một tỉnh)	28,5 ngày đối với trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp; 30 ngày đối với nộp qua bưu điện hoặc qua mạng	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; - Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; - Điều 16, 17, 18 Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
----	---	---	------------------------------------	-------	--

B. CẤP HUYỆN: 37 Thủ tục hành chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT: 05 Thủ tục hành chính					
1	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	30 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	- Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020. - Điều 5, Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định Quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	48 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	- Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020. - Điều 6, Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định Quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.
3	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
4	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

5	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	05 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
II LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: 32 Thủ tục hành chính					
1	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	- Điều 6 Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp; - Điều 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
2	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trên diện tích đất rừng tự nhiên chuyển sang trồng cao su của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	- Điều 7 Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp; - Điều 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.
3	Cấp phép khai thác rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu thiết yếu tại chỗ đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng cư thôn	10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	Văn bản hợp nhất số 12/BVHN-BNNPTNT ngày 28/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
4	Cấp phép Khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng	10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành	Không	Văn bản hợp nhất số 12/BVHN-BNNPTNT ngày 28/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

	phòng hộ cho chủ rừng là hộ gia đình		phố		
5	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật đối với rừng phòng hộ cho chủ rừng là hộ gia đình cá nhân	10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	Văn bản hợp nhất số 12/BVHN-BNNPTNT ngày 28/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
6	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng sản xuất của chủ rừng là tổ chức	10 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
7	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên chuyển đổi mục đích sử dụng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật đối với chủ rừng là tổ chức	10 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
8	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên thực hiện các biện pháp lâm sinh (Cải tạo rừng, nuôi dưỡng rừng, tỉa thưa rừng, làm	10 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

	<i>giầu rừng, chuyển hóa rừng giống, khai hoang để trồng rừng</i>), nghiên cứu khoa học đối với chủ rừng là tổ chức				
9	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên (<i>Gỗ bị đổ gãy, bị chết do thiên tai; gỗ cháy, gỗ khô mục, cành, ngọn trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ và phân khu dịch vụ hành chính của Khu rừng đặc dụng</i>) của chủ rừng là tổ chức	10 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
10	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật đối với rừng sản xuất của chủ rừng là tổ chức	10 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
11	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường	03 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.
12	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi sinh sản, trại nuôi	08 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT; Thông tư 20/2016/TT-BNNPTNT

	sinh trường động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (nuôi mới)				
13	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	03 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.
14	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	05 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.
15	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	30 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm 4 Mục II Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; - Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP. - Thông tư số 20/2016/BNN-PTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.
16	Giao rừng cho cộng đồng	36 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm 5 Mục II Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; - Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP. - Thông tư số 20/2016/BNN-PTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông

					<p>ng nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.</p>
17	Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	36 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	<p>- Điểm 2 Mục III Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn;</p> <p>- Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP.</p> <p>- Thông tư số 20/2016/BNN-PTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.</p>

18	Thu hồi rừng của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện	10 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm 3 Mục IV Thông tư số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; - Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP. - Thông tư số 20/2016/BNN-PTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư: 38/2007/TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN.
19	Xác nhận, đóng dấu búa kiểm lâm	10 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm ban hành tại Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011.
20	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	10 ngày làm việc	Hạt Kiểm lâm	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy chế quản lý Gấu nuôi; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.

21	<p>Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản: chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, nhập khẩu, sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên; lâm sản sau chế biến có nguồn gốc nhập khẩu, sau xử lý tịch thu (<i>Đối với cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản có vi phạm các quy định của Nhà nước về hồ sơ lâm sản hoặc chấp hành chưa đầy đủ các quy định của Nhà nước</i>); động vật rừng gây nuôi trong nước và bộ phận dẫn xuất của chúng</p>	<p>03 ngày làm việc (<i>Không xác minh</i>); 05 ngày làm việc (<i>nếu phải xác minh</i>)</p>	Hạt Kiểm lâm	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.
22	<p>Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu</p>	<p>03 ngày làm việc (<i>Không xác minh</i>); 05 ngày làm việc (<i>nếu phải xác minh</i>)</p>	Hạt Kiểm lâm	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản.

23	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tịch thu (<i>Rừng đặc dụng</i>)	03 ngày làm việc (<i>Không xác minh</i>); 05 ngày làm việc (<i>nếu phải xác minh</i>)	Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ	Không	- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản; - Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản
24	Xác nhận của Hạt kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ và cây xử lý tịch thu thuộc phạm vi quản lý của Hạt kiểm lâm (<i>đối với các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ có Hạt kiểm lâm thuộc tỉnh</i>)	03 ngày làm việc (<i>Không xác minh</i>); 05 ngày làm việc (<i>nếu phải xác minh</i>)	Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ	Không	Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 ban hành quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ
25	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thuộc nhóm thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (<i>Phạm vi giải quyết của Ban quản lý rừng đặc dụng</i>)	05 ngày làm việc	Ban quản lý rừng đặc dụng	Không	- Thông tư 99/2006/TT-BNN hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý rừng theo Quyết định 186/2006/QĐ-TTg do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành; - Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bãi bỏ quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết 57/NQ-CP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành.

26	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thông thường trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học	05 ngày làm việc	Ban quản lý rừng đặc dụng	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 99/2006/TT-BNN hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý rừng theo Quyết định 186/2006/QĐ-TTg do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành; - Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bãi bỏ quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết 57/NQ-CP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành.
27	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước (<i>Phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng</i>)	05 ngày làm việc	Ban quản lý rừng đặc dụng	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Nghị định 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nông nghiệp.
28	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (<i>đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư</i>)	23 ngày làm việc	Trung tâm hành chính công các huyện, thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng. - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công. - Điều 4, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn số nội dung quản lý công trình lâm sinh.
29	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (<i>đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư</i>)	23 ngày làm việc	Trung tâm hành chính công các huyện, thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 3/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng. - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công. - Điều 4, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

30	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	35 ngày làm việc	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ	Không	Điều 7, Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước
31	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	35 ngày làm việc	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ	Không	Điều 7, Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước
32	Khoán công việc và dịch vụ	Không quy định	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ	Không	Điều 7, Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước

8

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 08 thủ tục hành chính

TT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: 06 Thủ tục hành chính					
1	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng sản xuất của chủ rừng là Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng	10 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
2	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ cao su, vườn rừng, vườn nhà, trang trại, cây phân tán	10 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
3	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên chuyển đổi mục đích sử dụng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật đối với chủ rừng là Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng bản	10 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
4	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên thực hiện các biện pháp lâm sinh	10 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Điểm b Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

	(Cải tạo rừng, nuôi dưỡng rừng, tỉa thưa rừng, làm giàu rừng, chuyển hóa rừng giống, khai hoang để trồng rừng), nghiên cứu khoa học đối với chủ rừng là Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng bản				
5	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên (Gỗ bị đổ gãy, bị chết do thiên tai; gỗ cháy, gỗ khô mục, cành, ngọn trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ và phân khu dịch vụ hành chính của Khu rừng đặc dụng) của chủ rừng là Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng bản	10 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Điều 9 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
6	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật đối với rừng sản xuất của chủ rừng là Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng bản	10 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

II. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT: 02 Thủ tục hành chính

1	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản		UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.
2	Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	05 ngày làm việc	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa. - Thông tư số 47/2013/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa.

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO ĐƠN VỊ KHÁC THỰC HIỆN: 03 thủ tục hành chính

TT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân	35 ngày làm việc	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Không	Điều 7, Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước
2	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn	35 ngày làm việc	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Không	Điều 7, Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước
3	Khoán công việc và dịch vụ		Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Không	Điều 7, Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước